■Ngày nhận bài: 29/4/2026 ■Ngày sửa bài: 14/5/2026 ■Ngày chấp nhận đăng: 28/5/2026

Nghiên cứu các yếu tố rủi ro liên quan đến chủ đầu tư trong các dự án xây dựng công trình giao thông sử dụng vốn đầu tư công ở Việt Nam

A study on risk factors associated with project owners in public investment-funded transport construction projects in Vietnam

> **THS TRẦN MINH ĐỨC, PGS.TS NGUYỄN LƯƠNG HẢI***
Trường Đại học Giao thông vận tải
*Email: hainl@utc.edu.vn

TÓM TẮT

Bài báo nhận diện các yếu tố rủi ro liên quan đến chủ đầu tư (CĐT) trong các dự án xây dựng công trình giao thông (CTGT) sử dụng vốn đầu tư công (ĐTC) tại Việt Nam - nhóm chủ thể trực tiếp tổ chức quản lý và điều phối quá trình thực hiện dự án. Bài báo sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu, phân tích nội dung văn bản pháp lý hiện hành và đối chiếu với thực tiễn triển khai dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC tại Việt Nam để nhận diện các yếu tố rủi ro. Trên cơ sở đó, năm nhóm trách nhiệm chính của CĐT theo khung pháp lý về ĐTC và danh mục gồm 10 yếu tố rủi ro ký hiệu S2.1 đến S2.10 được xác định. Các yếu tố rủi ro này phản ánh các nội dung quản lý chủ yếu thuộc trách nhiệm của CĐT trong công tác tổ chức và điều hành dự án, đấu thầu và quản lý hợp đồng, quản lý chi phí và giải ngân vốn, quản lý chất lượng và giám sát, phối hợp và giải trình. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho cách tiếp cận quản lý rủi ro theo tác nhân dự án, đồng thời cung cấp danh mục phục vụ các nghiên cứu định lượng tiếp theo.

Từ khóa: Rủi ro dự án; chủ đầu tư; dự án sử dụng vốn đầu tư công; công trình giao thông; quản lý rủi ro theo chủ thể.

ABSTRACT

This paper identifies risk factors associated with project owners (POs) in public investment-funded transport construction projects in Vietnam - the stakeholder group directly responsible for organizing, managing and coordinating project implementation. The study employs literature synthesis, content analysis of the current legal framework and comparison with practical implementation of public investment-funded transport construction projects in Vietnam to identify risk factors. On that basis, five main areas of PO responsibility under the legal framework for public investment and construction are identified, together with a list of 10 risk factors coded from S2.1 to S2.10. These risk factors reflect the main management responsibilities of POs in project organization and administration, contractor selection and contract management, cost management and capital disbursement, quality management and supervision and coordination and accountability. The findings contribute to the theoretical foundation of stakeholder-based risk management and provide a preliminary list of risk factors for subsequent quantitative studies on risk in public investment-funded transport construction projects in Vietnam.

Keywords: Project risk; project owner; public investment-funded project; transport construction project; stakeholder-based risk management.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các dự án xây dựng CTGT sử dụng vốn ĐTC đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kết nối vùng miền và nâng cao chất lượng sống của người dân. Các dự án thuộc nhóm này thường có quy mô và tổng mức đầu tư lớn, thời gian thực hiện dài, yêu cầu kỹ thuật cao, đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều hệ thống văn bản pháp luật về ĐTC, xây dựng, đấu thầu, ngân sách nhà nước, đất đai và môi trường, nên quá trình triển khai có mức độ phức tạp cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro quản lý.

Trên thực tế, nhiều dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC tại Việt Nam còn tồn tại các vấn đề như chậm tiến độ, điều chỉnh tổng mức đầu

tư, chậm giải ngân, vướng mắc giải phóng mặt bằng và phát sinh khối lượng [1, 2]. Bên cạnh các yếu tố kỹ thuật và khách quan, nhiều hạn chế còn bắt nguồn từ năng lực tổ chức thực hiện, ra quyết định và mức độ phối hợp giữa các bên liên quan. Trong các dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC, CĐT là chủ thể trực tiếp tổ chức triển khai dự án, bao gồm tổ chức lập dự án, lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng, kiểm soát thi công, nghiệm thu công trình, đề nghị giải ngân và quyết toán vốn đồng thời chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao [3, 4, 5]. CĐT giữ vai trò đầu mối tổ chức thực hiện, đề xuất hoặc quyết định nhiều nội dung quản lý trong phạm vi thẩm quyền hoặc được giao. Chính vì vậy, hoạt động quản lý của CĐT là một nguồn phát sinh rủi ro đáng chú ý trong các dự án CTGT có quy mô lớn và sử dụng vốn ĐTC.

Các nghiên cứu hiện hành về rủi ro dự án xây dựng thường phân loại rủi ro theo bản chất như kỹ thuật, tài chính, pháp lý, tiến độ hoặc môi trường. Hướng tiếp cận này có giá trị trong phân tích các đặc tính rủi ro, nhưng chưa làm rõ mối liên hệ giữa từng rủi ro với chủ thể có thẩm quyền và trách nhiệm kiểm soát tương ứng trong dự án có nhiều bên tham gia. Cách tiếp cận nghiên cứu rủi ro theo tác nhân khắc phục hạn chế này bằng cách gắn mỗi yếu tố rủi ro với chủ thể có thẩm quyền pháp lý, năng lực chuyên môn và trách nhiệm trực tiếp để phòng ngừa, kiểm soát rủi ro đó [6, 7], tạo cơ sở phân bổ trách nhiệm phù hợp với khung pháp lý. Trên cơ sở đó, bài báo tập trung nhận diện các yếu tố rủi ro thuộc trách nhiệm CĐT trong các dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC tại Việt Nam. Các yếu tố rủi ro được xác định trên cơ sở đối chiếu các nhóm trách nhiệm pháp lý, quản lý của CĐT với những tình huống có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tiến độ, chi phí, chất lượng và hiệu quả thực hiện dự án.

2. NHẬN DIỆN CÁC YẾU TỐ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CĐT

Theo ISO 31000:2018, rủi ro là tác động của sự không chắc chắn đến mục tiêu [8], trong quản lý dự án xây dựng, các mục tiêu này gắn với phạm vi, tiến độ, chi phí, chất lượng và an toàn [3]. Đối với dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC, rủi ro phát sinh không chỉ từ điều kiện kỹ thuật mà còn từ cơ chế quản lý vốn, thủ tục pháp lý và sự phối hợp giữa các bên liên quan. Theo lý thuyết các bên liên quan, kết quả dự án chịu ảnh hưởng bởi các chủ thể có khả năng tác động đến mục tiêu hoặc chịu tác động từ quá trình thực hiện [9], trong đó CĐT là chủ thể có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý được pháp luật quy định, đồng thời trực tiếp tổ chức thực hiện, điều phối các bên và xử lý các yêu cầu phát sinh, qua đó thể hiện rõ các thuộc tính về quyền lực, tính chính danh và tính cấp thiết [10]. Vì vậy, nhận diện rủi ro thuộc nhóm chủ thể này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quản lý rủi ro tổng thể của dự án.

Theo Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 [4] và Luật ĐTC số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 [5], CĐT là cơ quan, tổ chức được giao quản lý và sử dụng vốn ĐTC để thực hiện dự án; có trách nhiệm tổ chức quản lý quá trình thực hiện dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Các nhóm trách nhiệm chính của CĐT theo các văn bản pháp luật về ĐTC, xây dựng, đấu thầu, quản lý chi phí và quản lý chất lượng công trình [4, 5, 11, 12, 13, 14] được tổng hợp tại Bảng 1. Đây là cơ sở để nhận diện các yếu tố rủi ro có thể phát sinh trong từng nhóm trách nhiệm và hình thành danh mục các yếu tố rủi ro tại Bảng 2.

Bảng 1. Khung trách nhiệm của CĐT làm cơ sở nhận diện rủi ro

Nhóm trách nhiệm	Nội dung trách nhiệm chính	Căn cứ pháp lý	Yếu tố rủi ro liên quan
Tổ chức và điều hành dự án	Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt và tổ chức triển khai dự án; ra quyết định trong phạm vi thẩm quyền hoặc được ủy quyền; điều phối nguồn lực và hoạt động quản lý dự án.	Luật Xây dựng [4]; NĐ 175/2024 [11]	S2.1, S2.2, S2.3
Đấu thầu và quản lý hợp đồng	Tổ chức lựa chọn nhà thầu; thương thảo, ký kết và quản lý hợp đồng xây dựng, hợp đồng tư vấn trong quá trình thực hiện dự án.	Luật Đấu thầu [14]; NĐ 175/2024 [11]	S2.4, S2.5
Quản lý chi phí và giải ngân vốn	Lập, kiểm soát chi phí; tổ chức nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán, đề nghị giải ngân và quyết toán vốn dự án.	NĐ 10/2021 [13]; Luật ĐTC [5]	S2.6, S2.7
Quản lý chất lượng thi công và giám sát hiện trường	Tổ chức giám sát thi công, kiểm tra chất lượng, quản lý an toàn trong thi công, nghiệm thu và bàn giao công trình.	Luật Xây dựng [4]; NĐ 06/2021 [12]	S2.8
Phối hợp và giải trình	Phối hợp với các bên liên quan trong quá trình thực hiện dự án; công khai thông tin trong phạm vi quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, điều chỉnh dự án và sử dụng vốn.	Luật ĐTC [5]; Luật Đấu thầu [14]	S2.9, S2.10

Dựa trên nội dung Bảng 1, đối chiếu với lý luận quản lý rủi ro dự án [3, 8] và các nghiên cứu về rủi ro liên quan đến chủ thể trong dự án xây dựng [6, 7], đồng thời tham khảo thực tiễn dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC tại Việt Nam [1, 2, 15], nghiên cứu nhận diện 10 yếu tố rủi ro thuộc nhóm CĐT, ký hiệu S2.1 đến S2.10 theo trình tự các nhóm trách nhiệm từ Bảng 1.

Nhóm trách nhiệm tổ chức và điều hành dự án thường phát sinh 3 yếu tố rủi ro. Năng lực quản lý dự án là điều kiện căn bản quyết định hiệu quả tổ chức thực hiện [3]; khi CĐT còn thiếu kinh nghiệm với dự án quy mô lớn, hạn chế về chuyên môn và khả năng điều phối nguồn lực dự án sẽ hình thành yếu tố S2.1 - Hạn chế năng lực quản lý dự án. Dự án CTGT phải tuân thủ nhiều thủ tục pháp lý từ thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu đến nghiệm thu, thanh quyết toán [11]; khi hồ sơ pháp lý hoặc thủ tục chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, quá trình triển khai gặp khó khăn và phát sinh điều chỉnh dẫn tới yếu tố rủi ro S2.2 - Hồ sơ và thủ tục pháp lý chưa đầy đủ. Khi các quyết định quản lý của CĐT trong phạm vi thẩm quyền, về điều chỉnh thiết kế, xử lý phát sinh kỹ thuật hoặc phê duyệt thanh toán khối lượng bị chậm so với yêu cầu thực tế, dự án bị gián đoạn và phát sinh chi phí do kéo dài thời gian, hình thành yếu tố rủi ro S2.3 - Chậm ra quyết định trong quá trình thực hiện dự án.

Nhóm trách nhiệm đấu thầu và quản lý hợp đồng bao gồm hai yếu tố chủ đạo dựa trên nội dung Luật Đấu thầu [14], yêu cầu lựa chọn nhà thầu trên cơ sở cạnh tranh, công bằng, minh bạch và bảo đảm hiệu quả kinh tế; khi nhà thầu thi công chưa đáp ứng yêu cầu dự án về năng lực, kinh nghiệm, nguồn lực, rủi ro tiến độ và chất lượng gia tăng [15], được xác định là S2.4 - Lựa chọn nhà thầu chưa bảo đảm phù hợp với yêu cầu dự án. Trong dự án quy mô lớn, hợp đồng thường chịu tác động của thay đổi điều kiện thi công, biến động giá vật liệu, điều chỉnh thiết kế [13]; khi công tác quản lý hợp đồng xây dựng và tư vấn chưa chặt chẽ - bao gồm điều chỉnh hợp đồng, phát sinh khối lượng, tiến độ và thanh toán - tranh chấp hoặc kéo dài thời gian xử lý phát sinh có thể xảy ra, hình thành S2.5 - Quản lý hợp đồng kém hiệu quả.

Các yếu tố thuộc nhóm quản lý chi phí và giải ngân vốn gắn với dòng vốn của dự án. Trách nhiệm tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị giải ngân theo Luật ĐTC [5] thuộc về CĐT. Khi các bước này chậm hoặc không đúng quy trình, vốn không được giải ngân kịp thời, ảnh hưởng đến năng lực tài chính của nhà thầu và tiến độ chung, được xác định là S2.6 - Chậm nghiệm thu, thanh toán và đề nghị giải ngân vốn. Trong dự án CTGT quy mô lớn, điều kiện địa chất, hiện trạng giải phóng mặt bằng và yêu cầu kỹ thuật thường xuyên thay đổi; khi kiểm soát phạm vi công việc và quản lý các thay đổi thiết kế chưa chặt chẽ, phát sinh khối lượng bổ sung xảy ra thường xuyên, làm tăng chi phí dự án, hình thành S2.7 - Quản lý phạm vi, phát sinh khối lượng và thay đổi thiết kế chưa hiệu quả.

Nhóm trách nhiệm quản lý chất lượng và giám sát tập trung vào yếu tố cốt lõi trong giai đoạn thi công. Công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng, quản lý an toàn và xử lý sai lệch tại hiện trường phải được duy trì trong suốt giai đoạn thi công [12]; khi các hoạt động này chưa được thực hiện đầy đủ, các các vấn đề về chất lượng, kỹ thuật và an toàn có thể không được phát hiện và xử lý kịp thời, hình thành yếu tố S2.8 - Giám sát chất lượng thi công và kiểm soát hiện trường chưa hiệu quả.

Nhóm trách nhiệm phối hợp và giải trình gắn với vai trò điều phối của CĐT trong mối quan hệ giữa tư vấn, nhà thầu và cơ quan quản lý nhà nước [16]. Khi phối hợp giữa các bên tham gia dự án không hiệu quả, công việc bị chậm trễ và xung đột phát sinh, được xác định là S2.9 - Phối hợp với các bên liên quan kém hiệu quả. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình là yêu cầu xuyên suốt vòng đời dự án [3, 5, 14]; khi thông tin về lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng, điều chỉnh dự án và sử dụng vốn chưa được công khai và giải trình đầy đủ, rủi ro xung đột lợi ích gia tăng, hình thành S2.10 - Công khai thông tin và trách nhiệm giải trình chưa đầy đủ. Tổng hợp các yếu tố rủi ro được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Các yếu tố rủi ro liên quan đến CĐT trong dự án xây dựng CTGT sử dụng vốn ĐTC

STT	Mã	Nhóm trách nhiệm	Tên yếu tố rủi ro	Nội dung
1	S2.1	Tổ chức và điều hành dự án	Hạn chế năng lực quản lý dự án	Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và khả năng điều phối nguồn lực của CĐT còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức và điều hành dự án.
2	S2.2	Tổ chức và điều hành dự án	Hồ sơ và thủ tục pháp lý chưa đầy đủ	Hồ sơ pháp lý của dự án hoặc các thủ tục liên quan chưa đầy đủ, chưa đồng bộ theo quy định, gây khó khăn cho quá trình triển khai dự án và phát sinh điều chỉnh hồ sơ.
3	S2.3	Tổ chức và điều hành dự án	Chậm ra quyết định trong quá trình thực hiện dự án	Các quyết định quản lý của CĐT (phê duyệt điều chỉnh thiết kế, xử lý phát sinh kỹ thuật, phê duyệt thanh toán khối lượng), trong phạm vi thẩm quyền hoặc nhiệm vụ được giao, đưa ra chậm so với yêu cầu thực tế.
4	S2.4	Đấu thầu và quản lý hợp đồng	Lựa chọn nhà thầu chưa bảo đảm phù hợp với yêu cầu dự án	Quá trình lựa chọn nhà thầu thi công hoặc nhà thầu cung cấp dịch vụ chưa bảo đảm phù hợp với yêu cầu của dự án về năng lực, kinh nghiệm hoặc nguồn lực, làm gia tăng rủi ro tiến độ và chất lượng.
5	S2.5	Đấu thầu và quản lý hợp đồng	Quản lý hợp đồng kém hiệu quả	Công tác quản lý hợp đồng xây dựng và hợp đồng tư vấn chưa chặt chẽ, bao gồm quản lý điều chỉnh hợp đồng, phát sinh khối lượng, tiến độ và thanh toán, có thể dẫn đến tranh chấp hoặc kéo dài thời gian xử lý phát sinh.
6	S2.6	Quản lý chi phí và giải ngân vốn	Chậm nghiệm thu, thanh toán và đề nghị giải ngân vốn	Vốn đầu tư không được giải ngân kịp thời do CĐT chậm tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành, lập hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ hoặc đề nghị giải ngân không đúng quy trình. Phân biệt với rủi ro chậm phân bổ vốn thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước.

STT	Mã	Nhóm trách nhiệm	Tên yếu tố rủi ro	Nội dung
7	S2.7	Quản lý chi phí và giải ngân vốn	Quản lý phạm vi, phát sinh khối lượng và thay đổi thiết kế chưa hiệu quả	Việc kiểm soát phạm vi công việc và quản lý các thay đổi thiết kế chưa chặt chẽ, dẫn đến phát sinh khối lượng, thay đổi thiết kế thường xuyên và tăng chi phí dự án.
8	S2.8	Quản lý chất lượng thi công và giám sát hiện trường	Giám sát chất lượng thi công và kiểm soát hiện trường chưa hiệu quả	Công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng, an toàn và xử lý sai lệch tại hiện trường chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn đến phát hiện chậm các vấn đề về chất lượng, kỹ thuật và an toàn trong quá trình thi công.
9	S2.9	Phối hợp và giải trình	Phối hợp với các bên liên quan kém hiệu quả	Phối hợp giữa CĐT với các bên liên quan như tư vấn, nhà thầu và cơ quan, tổ chức có liên quan chưa hiệu quả, làm chậm trễ xử lý công việc và gia tăng xung đột.
10	S2.10	Phối hợp và giải trình	Công khai thông tin và trách nhiệm giải trình chưa đầy đủ	Thông tin liên quan đến lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng, điều chỉnh dự án và sử dụng vốn chưa được công khai và giải trình đầy đủ, làm gia tăng rủi ro xung đột lợi ích.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả trên cơ sở phân tích khung pháp lý hiện hành, lý luận quản lý rủi ro dự án và các nghiên cứu liên quan.

Vai trò quản lý dự án của CĐT làm cho nhóm tác nhân này vừa có khả năng là nguồn phát sinh rủi ro, vừa đóng vai trò trung gian trong tiếp nhận, xử lý và điều phối các rủi ro phát sinh từ các tác nhân khác. Do đó, hiệu quả quản lý rủi ro tổng thể của dự án phụ thuộc đáng kể vào năng lực vận hành, chất lượng ra quyết định và khả năng phối hợp của CĐT.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã tổng hợp 5 nhóm trách nhiệm chính của CĐT theo khung pháp lý về ĐTC và xây dựng, làm cơ sở nhận diện 10 yếu tố rủi ro liên quan, ký hiệu từ S2.1 đến S2.10. Cách tiếp cận này giúp làm rõ mối liên hệ giữa từng yếu tố rủi ro, nhóm trách nhiệm tương ứng và tác nhân có nghĩa vụ kiểm soát trong quá trình quản lý dự án. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho cách tiếp cận quản lý rủi ro theo nhóm tác nhân trong dự án CTGT sử dụng vốn ĐTC tại Việt Nam, đồng thời cung cấp nền tảng cho các nghiên cứu định lượng tiếp theo nhằm sàng lọc, phân tích quan hệ ảnh hưởng và xác định mức độ ưu tiên của các yếu tố rủi ro trong thực tiễn quản lý dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Lương Hải. Nghiên cứu sự ảnh hưởng của công tác lập kế hoạch đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (KHCNXD) - ĐHXD, số 13(3V), tr. 108-115, 2019.

[2] Nguyễn Lương Hải. Nghiên cứu mô hình ảnh hưởng của hành vi tổ chức dự án đến chất lượng đạt được của các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông tại Việt Nam. Transport and Communications Science Journal, số 71(5), tr. 458-471, 2020.

[3] Project Management Institute. A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK® Guide), 6th ed. Project Management Institute, 2017.

[4] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, ban hành ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Hà Nội, 2025.

[5] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Hà Nội, 2024; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, 2025.

[6] N. Xia, J. Guo and Y.-H. Lin. Managing stakeholder attributes for risk mitigation: Evidence from construction project contractors. International Journal of Managing Projects in Business, vol. 14, no. 7, pp. 1605-1625, 2021, doi: 10.1108/IJMPB-11-2020-0345.

[7] H. Vo and J.-B. Yang. Incorporating stakeholder perception into risk assessment model: An empirical study of highway construction projects. Engineering, Construction and Architectural Management, 2025, doi: 10.1108/ECAM-11-2024-1494.

[8] International Organization for Standardization. ISO 31000:2018, Risk Management - Guidelines. ISO, Geneva, 2018.

[9] R. E. Freeman. Strategic Management: A Stakeholder Approach. Cambridge University Press, 2010 (tái bản từ bản gốc Pitman, 1984).

[10] R. K. Mitchell, B. R. Agle and D. J. Wood. Toward a Theory of Stakeholder Identification and Salience: Defining the Principle of Who and What Really Counts. The Academy of Management Review, vol. 22, no. 4, pp. 853-886, 1997.

[11] Chính phủ. Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

[12] Chính phủ. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

[13] Chính phủ. Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

[14] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, ban hành ngày 23/6/2023, có hiệu lực từ ngày 01/01/2024; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15.

[15] T. P. Nguyen and N. Chileshe. Revisiting the critical factors causing failure of construction projects in Vietnam. In Proc. 29th Annual ARCOM Conference, Reading, UK, Sep., 2013, pp. 929-939.

[16] J. Yang, G. Q. Shen, M. Ho, D. S. Drew and X. Xue. Stakeholder management in construction: An empirical study to address research gaps in previous studies. International Journal of Project Management, vol. 29, no. 7, pp. 900-910, 2011.